

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 189/2023/DS-PT
Ngày 14 - 11 - 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí
Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1963.

2/ Bà Nguyễn Phương H, sinh năm 1966.

3/ Anh Nguyễn Hoài Ph, sinh năm 1980.

4/ Chị Nguyễn Thị Diễm P, sinh năm 1989.

5/ Chị Nguyễn Thị Tuyết P1, sinh năm 1995.

6/ Anh Nguyễn Hoàng P2, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Phương H, anh Nguyễn Hoài Ph, chị Nguyễn Thị Diễm P, chị Nguyễn Thị Tuyết P1, anh Nguyễn Hoàng P2: Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

7/ Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ trụ sở: Khóm 1, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh Tr - Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S trình bày: Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hoàng S là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Phương H, anh Nguyễn Hoài Ph, chị Nguyễn Thị Diễm P, chị Nguyễn Thị Tuyết P1, anh Nguyễn Hoàng P2 trình bày: Phần đất tranh chấp mà ông yêu cầu qua đo đạc thực tế có diện tích là 41,0m², đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn T (đã chết 2001) chuyển nhượng lại cho ông năm 1999 với giá 01 chỉ 05 phân vàng 24k. Khi sang có lập “Tờ sang đất” đề ngày 15 tháng 8 năm 1999, lúc đó có ông Nguyễn Văn B (con ông Tài) và bà Trần Thị B (mẹ bà Nguyễn Thị L) ký giáp ranh và được ông Nguyễn Văn Th ành cán bộ ấp chứng kiến . Hiện trạng đất lúc sang nhượng là con mương được ông T sử dụng trước đó và đến khi ông sang lại thì ông vẫn tiếp tục sử dụng mương thoát nước phục vụ trồng lúa, nuôi tôm. Đến năm 2012 thì gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất . Phần đất tranh chấp ông yêu cầu 41,0m² nằm trong tổng diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 149,9m² tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Từ khi ông nhận chuyển nhượng đất của ông T và sử dụng đến trước năm 2015 thì gia đình bà L không có ai tranh chấp. Việc tranh chấp xảy ra vào năm 2015, nguyên nhân tranh chấp là do bà Ba chuyển nhượng đất cho bà Trương Thị Anh Đ (cấp ranh đất tranh chấp), sau đó bà Đào chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn H (lúc đó bà Ba đứng tên sang nhượng cho ông H), khi các bên cắm trụ ranh thì bà Lựu cắm qua luôn đất của ông . Sau đó, vợ chồng bà L và ông Đoàn Văn H ngăn cản không cho ông sử dụng con mương, bà L và ông H đã lấp con mương và hiện họ đang quản lý nhưng không sử dụng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc bà L, ông H phải trả lại cho ông diện tích đất 41,0m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Ông không đồng ý yêu cầu phản tố của bà L vì toàn bộ diện tích đất 149,9m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong

Thanh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 13 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Toàn bộ phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 149,9m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (trong đó có cả phần đất ông Nguyễn Hoàng S yêu cầu 41,0m²) là của mẹ bà là bà Trần Thị Ba (chết năm 2011) tự khai phá trước năm 1975. Sau đó, bà Ba cho ông Tài mượn ở, không nhớ cho mượn khi nào và cũng không làm giấy tờ, không ai chứng kiến. Năm 1995 gia đình bà có kê khai Sổ mục kê, khi kê khai cha bà tên "Túc" nhưng cán bộ ghi nhầm "Cúc". Do nghĩ đất của gia đình nên không yêu cầu khiếu nại về việc ghi nhầm này. Đến năm 2000 thì ông Tài tự ý chuyển nhượng cho ông S, gia đình bà có ngăn cản nhưng không báo địa phương, khi ông S làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình bà không biết. Đất tranh chấp từ trước đến nay là do gia đình bà sử dụng làm đường mương thoát nước và có cho ông S sử dụng nhờ. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là ông S tự ý kêu người sên mương mà không hỏi ý kiến của bà. Hiện đất này được bà và ông Đoàn Văn H quản lý nhưng để trống không sử dụng. Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu bà trả lại diện tích đất 41,0m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời, bà có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án buộc ông S phải trả lại toàn bộ diện tích đất 149,9m² tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông S đứng tên quyền sử dụng để công nhận quyền sử dụng cho bà đối với phần đất nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị L. Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông S, yêu cầu chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu là ông Đỗ Thanh Tr trình bày: Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích có liên quan đến vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục cấp giấy tại thời điểm cấp, đến nay chưa phát hiện sai sót. Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn H giao trả phần đất có diện tích 41,0m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn H có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Hoàng S phần đất có diện tích 41,0m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số

27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B. Đất có vị trí và số đo cụ thể.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng S giao trả phần đất có diện tích 149,9m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Nguyễn Hoàng S đứng tên quyền sử dụng để công nhận quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị L đối với diện tích 149,9m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, lãi phát sinh giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 tháng 8 năm 2023, bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu xác minh về nguồn gốc đất từ đâu mà ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng S, xác minh người hiểu biết về nguồn gốc đất, gia đình bà có ngăn cản việc ông T chuyển nhượng đất cho ông S; yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông S và trả lại phần đất diện tích 149,9m² cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L nộp trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào các Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai có đơn yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu xác minh về nguồn gốc đất từ đâu mà ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng S, xác minh người hiểu biết về nguồn gốc đất, gia đình bà có ngăn cản việc ông T chuyển nhượng đất cho ông S; yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông S và trả lại phần đất diện tích 149,9m² cho bà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20 tháng 01 năm 2022 (bút lục 353 - 358), Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 20 tháng 02 năm 2022 (bút lục 361) thể hiện đất tranh chấp có tổng diện tích 149,9m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B. Đất gồm phần I và phần II, có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Phần I: Diện tích: 41,0m².

Hướng Đông giáp Kênh Giá Rai - Phó Sinh có số đo 3,50m.

Hướng Tây giáp đường Giá Rai - Phó Sinh có số đo 3,50m.

Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Hoàng S có số đo 11,7m.

Hướng Bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn Hôn có số đo 11,7m.

Phần II: Diện tích: 108,9m².

Hướng Đông giáp Kênh Giá Rai - Phó Sinh có số đo 9,32m.

Hướng Tây giáp đường Giá Rai - Phó Sinh có số đo 9,32m.

Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Văn Bò có số đo 11,7m.

Hướng Bắc giáp đất hướng Nam của phần I có số đo 11,7m.

Hiện trạng trên đất tranh chấp có 04 cây xà cừ và 02 cây mắm. Ông S xác định là do ông trồng, bà L xác định là do tự mọc. Quá trình giải quyết có 01 cây xà cừ bị ngã đổ, chỉ còn lại 03 cây xà cừ và 02 cây mắm.

Tại đơn khởi kiện ông Nguyễn Hoàng S yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn H giao trả phần I đất tranh chấp có diện tích 41,0m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B do hộ ông Nguyễn Hoàng S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại đơn phản tố bà Nguyễn Thị L yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Hoàng S đứng tên quyền sử dụng để công nhận quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị L đối với diện tích 149,9m² (trong đó có 41m² nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S yêu cầu bà L giao trả), tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

[2.2] Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng và kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất tranh chấp: Theo ông Nguyễn Hoàng S xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng cho ông năm 1999, có làm giấy tay chuyển nhượng, đã sử dụng đất ổn định từ khi nhận chuyển nhượng đất.

Khi nhận chuyển nhượng đất thì có một phần là đường mương xỏ nước được ông T sử dụng và sau đó ông vẫn tiếp tục sử dụng mương thoát nước phục vụ trồng lúa, nuôi tôm. Năm 2012, gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện Giá Rai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ gia đình ông đứng tên với tổng diện tích 149,9m² (trong đó có phần đất con mương ông yêu cầu 41,0m²). Từ khi ông nhận chuyển nhượng đất của ông T thì ông S đã sử dụng đất ổn định mà gia đình bà L không có ai tranh chấp, đến năm 2015 thì mới xảy ra tranh chấp. Phía bà L xác định: Năm 2000 thì ông Tài tự ý chuyển nhượng đất cho ông S, gia đình bà Lừ có ngăn cản nhưng không báo địa phương, khi ông S làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình bà cũng không biết. Đất tranh chấp từ trước đến nay là do gia đình bà sử dụng làm đường mương thoát nước và có cho ông S sử dụng nhờ. Năm 1995 thì gia đình bà có kê khai Sổ mục kê, khi kê khai cha bà tên "*Túc*" nhưng cán bộ ghi nhầm "*Cúc*" nhưng nghĩ là đất của gia đình nên không yêu cầu khiếu nại gì, bà không có ký giáp ranh đất tranh chấp, không biết việc ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Nhận thấy: từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm hồ sơ cấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hoàng S có Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 07 tháng 11 năm 2012 (bút lục 237) thể hiện có ông Bò, bà Lừ ký tên giáp ranh. Tại Biên bản xác minh ông Lâm Quốc Minh ngày 23 tháng 3 năm 2021 (bút lục 255) và Biên bản xác minh ông Bò ngày 23 tháng 3 năm 2021 (bút lục 254) xác định: Bà L trực tiếp ký tên vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư; Tại Biên bản xác minh ngày 07 tháng 6 năm 2023 ông Đoàn Hoàng Đeo (bút lục 459, 460), ông Nguyễn Văn Thành (bút lục 461, 462), ông Lâm Quốc Minh (bút lục 463, 464) xác định: Bà Ba, bà L không có tranh chấp hay ngăn cản từ lúc ông T sử dụng đường mương, đến khi ông Tài chuyển nhượng đất cho Sơn năm 1999 và khi ông S sử dụng, đến năm 2015 mới phát sinh tranh chấp với bà L; Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 02 tháng 8 năm 2018 (bút lục 106) ông Nguyễn Văn Hôn xác định: Khi ông sang đất vào năm 2012 thì ông S có ký giáp ranh hướng Nam và bà L ký giáp ranh hướng Bắc, khi ông đến ở thì thấy đất tranh chấp do ông S sử dụng làm mương xỏ nước, giữa ông S và bà L không có tranh chấp. Như vậy, việc bà L xác định gia đình bà Lừ có ngăn cản việc ông T chuyển nhượng đất cho ông S và có quá trình sử dụng đất tranh chấp nhưng không có gì chứng minh. Tại Công văn số: 19/TNMT ngày 08 tháng 02 năm 2023 (bút lục 425) của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Giá Rai tỉnh Bạc Liêu thể hiện: Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế ngày 10 tháng 02 năm 2022 (bao gồm phần I và phần II) với tổng diện tích là 149,9m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Hoàng S ngày 19 tháng 12 năm 2012 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại của ông Nguyễn Văn T vào năm 1999; Tại bản tự khai ngày 01 tháng 3 năm 2023 (bút lục 427) người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai là ông Đỗ Thanh Tr xác định: Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích có liên quan đến vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục cấp giấy tại thời điểm cấp, đến nay chưa phát hiện sai sót. Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án. Như vậy, cấp sơ

thẩm xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S là đúng quy định pháp luật và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng S là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Đồng thời, bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn phản tố yêu cầu công nhận diện tích đất 149,9m² do đất là của gia đình bà và gia đình bà có đăng ký kê khai Sổ mục kê năm 1995 nhưng khi kê khai cha bà tên "Túc" nhưng cán bộ ghi nhầm "Cúc". Bà L cho rằng đất tranh chấp là của cha mẹ bà, mẹ bà tên Trần Thị B cho ông T mượn ở nhưng bà không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cho mượn đất. Mặt khác, tại biên bản xác minh ông Đeo, Thành, ông Minh là những cán bộ ở địa phương đều xác định: Thời điểm năm 1995, gia đình bà Ba, bà L không kê khai Sổ mục kê, không có khiếu nại gì về việc cấp nhầm tên "Túc" thành "Cúc" (bút lục 460, 461, 463). Như vậy, bà L yêu cầu công nhận đất cho bà và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S mà không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bà là có căn cứ và hợp pháp nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị L là phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, giai đoạn phúc thẩm, bà Nguyễn Thị L cũng không cung cấp chứng cứ nào khác để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L; có căn cứ chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn H giao trả phần đất có diện tích 41,0m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn H có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Hoàng S phần đất có diện tích 41,0m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B. Đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp Kênh Giá Rai – Phó Sinh có số đo 3,50m.

Hướng Tây giáp đường Giá Rai - Phó Sinh có số đo 3,50m.

Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Hoàng S có số đo 11,7m.

Hướng Bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn Hôn có số đo 11,7m.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng S giao trả phần đất có diện tích 149,9m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B. Đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp Kênh Giá Rai - Phó Sinh có số đo 3,50m + 9,32m.

Hướng Tây giáp đường Giá Rai - Phó Sinh có số đo 3,50 m + 9,32m.

Hướng Nam giáp đất của ông Nguyễn Văn Bò có số đo 11,7m.

Hướng Bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn Hôn có số đo 11,7m.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Nguyễn Hoàng S đứng tên quyền sử dụng để công nhận quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị L đối với diện tích 149,9m², tại thửa số 87, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong T, thị xã G, tỉnh B.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.853.896 đồng bà Nguyễn Thị L phải chịu. Ông Nguyễn Hoàng S đã dự nộp 3.853.896 đồng nên buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Nguyễn Hoàng S số tiền 3.853.896 đồng.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Đoàn Văn H cùng phải chịu án phí không giá ngạch do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng S được chấp nhận là 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí không giá ngạch do yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị L không được chấp nhận là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004057 ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu.

Ông Nguyễn Hoàng S không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Hoàng S đã nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008579 ngày 19 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu nên ông Nguyễn Hoàng S được nhận lại 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

6.2. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng; bà L đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 00014959 ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy